TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**
- Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thu Hà**
Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 20/5/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuô con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ
- *Bị đơn*: Ông **Đỗ Thành Tr**, sinh năm: 1979.
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ
(Bà Tý và ông Trí vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, bà và ông Đỗ Thành Tr sống với nhau vào năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày. Bà và ông Đỗ Thành Tr không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Thời gian ly thân ông bà đã cố gắng hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay tình

cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thành Tr.

Về con chung: Bà và ông Đỗ Thành Tr có 02 con chung là cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 19/02/1999 và cháu Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 12/7/2005. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Kim Ng và không yêu cầu ông Đỗ Thành Tr cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Đỗ Thành Đ, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Đỗ Thành Tr trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, ông bà mới phát sinh mâu thuẫn gần đây, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái. Ông và bà Nguyễn Thị T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay, thời gian ly thân ông đã cố gắng hàn gắn hòa giải đoàn tụ nhưng bà Tý không đồng ý. Nay bà Tý yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 19/02/1999 và cháu Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 12/7/2005. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Đỗ Thị Kim Ng cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Đỗ Thành Đ hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu câu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Đỗ Thành Tr, do đó xác định bà Tý là nguyên đơn, ông Trí là bị đơn.

[**2] Về thủ tục tố tụng**: bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt bà Tý và ông Trí tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T nhận thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr đều thừa nhận ông bà chung

sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên ông bà thống nhất ly hôn. Xét thấy, bà Tý và ông Trí có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr là vợ chồng là phù hợp tại Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 19/02/1999 và cháu Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 12/7/2005.

Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Đỗ Thị Kim Ng cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, hơn nữa cháu Ngân có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Thị T. Do đó giao cháu Đỗ Thị Kim Ng cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, là phù hợp

Đối với cháu Đỗ Thành Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông bà không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Đỗ Thành Tr cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Nợ chung: bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 14, Điều 16, Điều 51; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 35/2010/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 12/7/2005 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đối với cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 19/02/1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Tạm thời ông Đỗ Thành Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Nguyễn Thị T chưa có yêu cầu.

Ông Đỗ Thành Tr được quyền thăm non con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nguyễn Thị T

Khi cần thiết, bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết

4. Nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006399 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thành Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly